

|    |                                 |
|----|---------------------------------|
| 1  | văn học                         |
| 2  | thuộc văn hóa                   |
| 3  | thế kỷ                          |
| 4  | tài sản thừa kế, di sản         |
| 5  | bài giảng                       |
| 6  | cuộc hành trình , chuyến đi dài |
| 7  | kỳ lạ                           |
| 8  | chỉ                             |
| 9  | vùng, miền, khu vực             |
| 10 | tuổi                            |
| 11 | đại lý                          |
| 12 | công nhận, nhận ra              |
| 13 | thay đổi                        |
| 14 | tham gia                        |
| 15 | trường đại học                  |
| 16 | học viện                        |
| 17 | nhận được                       |
| 18 | (v) xác định vị trí, định vị    |
| 19 | học sinh năng khiếu, tài năng   |
| 20 | bài kiểm tra đầu vào            |
| 21 | bài kiểm tra giữa kì            |
| 22 | phòng tập thể dục               |
| 23 | phòng thí nghiệm khoa học       |
| 24 | hoạt động ngoài trời            |
| 25 | cơ sở vật chất, tiện nghi       |

|    |                                                                      |
|----|----------------------------------------------------------------------|
| 26 | Nhân viên, cán bộ                                                    |
| 27 | truy cập                                                             |
| 28 | tài nguyên của                                                       |
| 29 | một phần của                                                         |
| 30 | từ chối làm gì                                                       |
| 31 | (v) cho phép, để cho                                                 |
| 32 | các hoạt động ngoại khóa                                             |
| 33 | các hoạt động thể chất                                               |
| 34 | trở thành                                                            |
| 35 | thông minh hơn                                                       |
| 36 | thể dục thể chất, sự cân đối về mặt thể chất                         |
| 37 | bao gồm                                                              |
| 38 | bãi đậu xe, chỗ đỗ xe                                                |
| 39 | sân chơi                                                             |
| 40 | thiết bị cố định                                                     |
| 41 | dưới sự kiểm soát của                                                |
| 42 | bộ phận trường học, sự phân hóa trường học, các phân khoa trường học |
| 43 | áp dụng                                                              |
| 44 | kỳ thi                                                               |
| 45 | Ở giữa của                                                           |
| 46 | cho phép                                                             |
| 47 | tận dụng                                                             |
| 48 | dữ liệu                                                              |
| 49 | tụ tập, tụ họp                                                       |
| 50 | tiềm năng; khả năng, tiềm lực                                        |

|    |                      |
|----|----------------------|
| 51 | đáng kể              |
| 52 | vượt quá, phóng đại  |
| 53 | cùng tuổi, bằng tuổi |
| 54 | sinh vật học         |
| 55 | môn hóa học          |
| 56 | buổi trưa            |
| 57 | Môn địa lý           |
| 58 | Môn vật lý           |
| 59 | tầng một             |
| 60 | bài học trước        |





|  |
|--|
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |